TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2021
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Quốc S

Bà Trần Thị O

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Kim Y - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Ông Lương Duy B - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 567/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2020, về việc: *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/6/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu đô thị H, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Hiện ở: khu đô thị H, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Quang T, sinh năm 1969

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện ở: khu đô thị H, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

(Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Võ Thị Minh T trình bày: Bà và ông Đỗ Quang T có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2003 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống bà T và ông T thường xuyên xảy ra bất hòa do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông T là người gia trưởng, không biết chia sẻ với vợ con, thường xuyên chỉ trích, mạt sát vợ nên bà T luôn phải sống trong bầu không khí căng thẳng và ngột ngạt. Đặc biệt, ông T có máu đỏ đen, bà T khuyên can nhiều lần nhưng ông T không có ý định thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Cuộc sống giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc. Nay, bà T xác định tình cảm đối với ông T không còn, bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là: Cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 06/02/2004. Hiện tại cháu K đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi cháu K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là ông Đỗ Quang T trình bày như sau: Ông T và bà Võ Thị Minh T có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2003 tại Ủy ban nhân phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Trong cuộc sống, ông T và bà T có mẫu thuẫn về cách nuôi dạy con cái và bà T đã không tôn trọng ông T, nói xấu ông T với hai bên gia đình, làm ảnh hưởng đến danh dự và uy tín của ông T. Ông T đề nghị bà T đính chính lý do ly hôn trong đơn ly hôn khi bà T nói ông T có máu đỏ đen, đồng thời dừng ngay việc phát tán thông tin về lý do ly hôn đến cho anh em họ hàng nội ngoại, bạn bè, hàng xóm… gây tổn hại đến tinh thần, tư tưởng, uy tín và danh dự của cá nhân ông T. Bà T đã dọn đồ đi nơi khác ở từ cuối năm 2020, ông T và bà T đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, ông T tôn trọng ý kiến của bà T, ông T đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là: Cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 06/02/2004. Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là Bà Võ Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Đỗ Quang T. Bà xin được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là Ông Đỗ Quang T xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được và đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông T có nguyện vọng nuôi

con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà Võ Thị Minh T đối với ông Đỗ Quang T. Về con chung: đề nghị giao cháu Đỗ Trung K cho bà Võ Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi có quyết định khác. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Bị đơn có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Minh T:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T đăng ký kết hôn ngày 28/10/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho Tòa án và các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bà T và ông T, có đủ cơ sở để xác định: Vợ chồng bà T và ông T có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà T ông T bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc bà T và ông T mâu thuẫn trầm trọng, ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả ông T và bà T đều xác định hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được. Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng bà T cương quyết xin ly hôn. Xét thấy: cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T có 01 con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 06/02/2004. Bà T hiện tại đang công tác tại Ban đào tạo Đại học Quốc Gia Hà Nội, bà T đã cung cấp cho Tòa án xác nhận lương và thu nhập tăng thêm 6 tháng gần nhất với thu nhập hàng tháng là: 17.252.192 đồng. Ông T khai đang công tác tại Công ty cổ phần cơ điện và xây dựng Hòa Bình, thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng/ tháng. Tòa án đã ghi ý kiến của cháu Đỗ Trung K. Cháu K có nguyện vọng ở với bà T. Ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em là Phòng Lao động, thương binh và xã hội quận Nam Từ Liêm cũng đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Trung K cho bà Võ Thị Minh T nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho cháu. Xét thấy: về công việc và thu nhập của bà T và ông T đều có điều kiện chăm sóc con, có thể đảm bảo việc nuôi dạy con sau khi ly hôn do vậy căn cứ vào nguyện vọng của cháu Kiên để giao cháu K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có quyết định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà Võ Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Minh T, cho bà Võ Thị Minh T được ly hôn với Ông Đỗ Quang T.

- Về con chung: Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T có một con chung là cháu Đỗ Trung K, sinh ngày 06/02/2004. Giao cháu Đỗ Trung K cho bà Võ Thị Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có quyết định khác.

Ông Đỗ Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số: 0021116 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Bà T đã nộp đủ án phí.

- Bà Võ Thị Minh T và ông Đỗ Quang T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường L, quận Đ, Hà Nội để ghi vào sổ hộ tịch (số 160, quyển số 01 ngày 28/10/2003);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.